

Họ, tên thí sinh: .....

Mã đề thi 209

Số báo danh: .....

**Câu 1.** Khi một chùm sáng trắng song song, hẹp truyền qua một lăng kính thì bị phân tách thành các chùm sáng đơn sắc khác nhau. Đây là hiện tượng

- A. tán sắc ánh sáng.      B. nhiễu xạ ánh sáng.      C. giao thoa ánh sáng.      D. phản xạ ánh sáng.

**Câu 2.** Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ và lò xo nhẹ có độ cứng  $k$ , dao động điều hòa dọc theo trục  $Ox$  quanh vị trí cân bằng  $O$ . Biểu thức lực kéo về tác dụng lên vật theo li độ  $x$  là

- A.  $F = \frac{1}{2}kx^2$ .      B.  $F = -kx$ .      C.  $F = -\frac{1}{2}kx$ .      D.  $F = kx$ .

**Câu 3.** Đặt điện áp xoay chiều vào hai đầu đoạn mạch có  $R$ ,  $L$ ,  $C$  mắc nối tiếp. Khi trong đoạn mạch có cộng hưởng điện thì điện áp giữa hai đầu đoạn mạch

- A. lệch pha  $90^\circ$  so với cường độ dòng điện trong đoạn mạch.  
B. cùng pha với cường độ dòng điện trong đoạn mạch.  
C. trễ pha  $60^\circ$  so với cường độ dòng điện trong đoạn mạch.  
D. sớm pha  $30^\circ$  so với cường độ dòng điện trong đoạn mạch.

**Câu 4.** Hai dao động điều hòa cùng phương, cùng tần số, cùng pha, có biên độ lần lượt là  $A_1$  và  $A_2$ . Biên độ dao động tổng hợp của hai dao động này là

- A.  $\sqrt{|A_1^2 - A_2^2|}$ .      B.  $|A_1 - A_2|$ .      C.  $A_1 + A_2$ .      D.  $\sqrt{A_1^2 + A_2^2}$ .

**Câu 5.** Khi chiếu ánh sáng đơn sắc màu lam vào một chất huỳnh quang thì ánh sáng huỳnh quang phát ra **không** thể là ánh sáng

- A. màu cam.      B. màu vàng.      C. màu đỏ.      D. màu chàm.

**Câu 6.** Một mạch dao động gồm cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L$  và tụ điện có điện dung  $C$ . Chu kỳ dao động riêng của mạch là

- A.  $2\pi\sqrt{LC}$ .      B.  $\frac{\sqrt{LC}}{2\pi}$ .      C.  $\frac{1}{2\pi\sqrt{LC}}$ .      D.  $\frac{2\pi}{\sqrt{LC}}$ .

**Câu 7.** Trong chân không, một ánh sáng đơn sắc có bước sóng  $\lambda$ . Gọi  $h$  là hằng số Planck,  $c$  là tốc độ ánh sáng trong chân không. Năng lượng của photon ứng với ánh sáng đơn sắc này là

- A.  $\frac{\lambda c}{h}$ .      B.  $\frac{hc}{\lambda}$ .      C.  $\frac{\lambda h}{c}$ .      D.  $\frac{\lambda}{hc}$ .

**Câu 8.** Khi nói về dao động cơ cưỡng bức, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Biên độ của dao động cưỡng bức phụ thuộc vào biên độ của lực cưỡng bức.  
B. Dao động cưỡng bức có tần số luôn bằng tần số của lực cưỡng bức.  
C. Dao động cưỡng bức có tần số luôn bằng tần số riêng của hệ dao động.  
D. Biên độ của dao động cưỡng bức phụ thuộc vào tần số của lực cưỡng bức.

**Câu 9.** Đặt điện áp xoay chiều vào hai đầu một đoạn mạch gồm điện trở  $R$  và tụ điện mắc nối tiếp thì dung kháng của tụ điện là  $Z_C$ . Hệ số công suất của đoạn mạch là

- A.  $\frac{\sqrt{R^2 + Z_C^2}}{R}$ .      B.  $\frac{R}{\sqrt{|R^2 - Z_C^2|}}$ .      C.  $\frac{R}{\sqrt{R^2 + Z_C^2}}$ .      D.  $\frac{\sqrt{|R^2 - Z_C^2|}}{R}$ .

Câu 10. Đại lượng đặc trưng cho mức độ bền vững của một hạt nhân là

- A. năng lượng liên kết riêng. B. khối lượng hạt nhân.  
C. năng lượng liên kết. D. điện tích hạt nhân.

Câu 11. Khi một sóng cơ truyền từ không khí vào nước thì đại lượng nào sau đây không đổi?

- A. Tốc độ truyền sóng. B. Biên độ của sóng. C. Bước sóng. D. Tần số của sóng.

Câu 12. Theo thuyết tương đối, một hạt có khối lượng  $m$  thì có năng lượng toàn phần  $E$ . Biết  $c$  là tốc độ ánh sáng trong chân không. Hệ thức đúng là

- A.  $E = mc$ . B.  $E = mc^2$ . C.  $E = \frac{1}{2} mc$ . D.  $E = \frac{1}{2} mc^2$ .

Câu 13. Dòng điện chạy qua một đoạn mạch có cường độ  $i = 4\cos\frac{2\pi t}{T}$  (A) ( $T > 0$ ). Đại lượng  $T$  được gọi là

- A. pha ban đầu của dòng điện. B. chu kì của dòng điện.  
C. tần số của dòng điện. D. tần số góc của dòng điện.

Câu 14. Từ Trái Đất, các nhà khoa học điều khiển các xe tự hành trên Mặt Trăng nhờ sử dụng các thiết bị thu phát sóng vô tuyến. Sóng vô tuyến được dùng trong ứng dụng này thuộc dải

- A. sóng ngắn. B. sóng trung. C. sóng cực ngắn. D. sóng dài.

Câu 15. Tính chất nổi bật của tia hồng ngoại là

- A. không bị nước và thủy tinh hấp thụ. B. gây ra hiện tượng quang điện ngoài ở kim loại.  
C. có khả năng đâm xuyên rất mạnh. D. có tác dụng nhiệt rất mạnh.

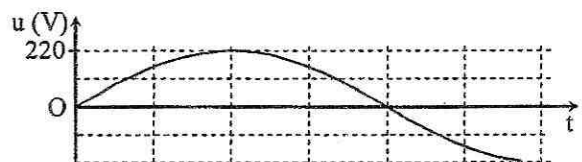
Câu 16. Giao thoa ở mặt nước với hai nguồn sóng kết hợp đặt tại A và B dao động điều hòa cùng pha theo phương thẳng đứng. Sóng truyền ở mặt nước có bước sóng  $\lambda$ . Cực tiểu giao thoa nằm tại những điểm có hiệu đường đi của hai sóng từ hai nguồn tới đó bằng

- A.  $(2k + 1)\lambda$  với  $k = 0, \pm 1, \pm 2, \dots$  B.  $k\lambda$  với  $k = 0, \pm 1, \pm 2, \dots$   
C.  $(k + 0,5)\lambda$  với  $k = 0, \pm 1, \pm 2, \dots$  D.  $2k\lambda$  với  $k = 0, \pm 1, \pm 2, \dots$

Câu 17. Gọi  $A$  và  $v_M$  lần lượt là biên độ và vận tốc cực đại của một chất điểm đang dao động điều hòa;  $Q_0$  và  $I_0$  lần lượt là điện tích cực đại trên một bản tụ điện và cường độ dòng điện cực đại trong mạch dao động LC đang hoạt động. Biểu thức  $\frac{v_M}{A}$  có cùng đơn vị với biểu thức

- A.  $I_0 Q_0^2$ . B.  $Q_0 I_0^2$ . C.  $\frac{Q_0}{I_0}$ . D.  $\frac{I_0}{Q_0}$ .

Câu 18. Hình bên là đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của điện áp xoay chiều  $u$  ở hai đầu một đoạn mạch vào thời gian  $t$ . Điện áp hiệu dụng ở hai đầu đoạn mạch bằng



- A.  $110\sqrt{2}$  V. B. 110 V. C.  $220\sqrt{2}$  V. D. 220 V.

Câu 19. Biết cường độ âm chuẩn là  $10^{-12}$  W/m<sup>2</sup>. Khi cường độ âm tại một điểm là  $10^{-5}$  W/m<sup>2</sup> thì mức cường độ âm tại điểm đó là

- A. 5 B. B. 12 B. C. 9 B. D. 7 B.

Câu 20. Vectơ vận tốc của một vật dao động điều hòa luôn

- A. hướng ra xa vị trí cân bằng. B. hướng về vị trí cân bằng.  
C. ngược hướng chuyển động. D. cùng hướng chuyển động.

Câu 21. Hạt nhân  $^{17}_8\text{O}$  có khối lượng 16,9947 u. Biết khối lượng của prôtôn và notron lần lượt là 1,0073 u và 1,0087 u. Độ hụt khối của  $^{17}_8\text{O}$  là

- A. 0,1532 u. B. 0,1294 u. C. 0,1420 u. D. 0,1406 u.



**Câu 22.** Chiếu ánh sáng do đèn hơi thủy ngân ở áp suất thấp (bị kích thích bằng điện) phát ra vào khe hẹp F của một máy quang phổ lăng kính thì quang phổ thu được là

- A. một dải sáng có màu từ đỏ đến tím nối liền nhau một cách liên tục.
- B. các vạch sáng riêng lẻ, ngăn cách nhau bởi những khoảng tối.
- C. bảy vạch sáng từ đỏ đến tím, ngăn cách nhau bởi những khoảng tối.
- D. các vạch sáng, vạch tối xen kẽ nhau đều đặn.

**Câu 23.** Một sóng điện từ có tần số 30 MHz truyền trong chân không với tốc độ  $3.10^8$  m/s thì có bước sóng là

- A. 6 m.
- B. 9 m.
- C. 10 m.
- D. 16 m.

**Câu 24.** Xét nguyên tử hiđrô theo mẫu nguyên tử Bo. Cho biết bán kính Bo  $r_0 = 5,3.10^{-11}$  m. Quỹ đạo dừng M của electron trong nguyên tử có bán kính

- A.  $15,9.10^{-11}$  m.
- B.  $47,7.10^{-10}$  m.
- C.  $1,59.10^{-11}$  m.
- D.  $4,77.10^{-10}$  m.

**Câu 25.** Tiến hành thí nghiệm đo gia tốc trọng trường bằng con lắc đơn, một học sinh đo được chiều dài con lắc là  $119 \pm 1$  (cm), chu kì dao động nhỏ của nó là  $2,20 \pm 0,01$  (s). Lấy  $\pi^2 = 9,87$  và bỏ qua sai số của số  $\pi$ . Gia tốc trọng trường do học sinh đo được tại nơi làm thí nghiệm là

- A.  $g = 9,7 \pm 0,1$  (m/s<sup>2</sup>).
- B.  $g = 9,8 \pm 0,2$  (m/s<sup>2</sup>).
- C.  $g = 9,8 \pm 0,1$  (m/s<sup>2</sup>).
- D.  $g = 9,7 \pm 0,2$  (m/s<sup>2</sup>).

**Câu 26.** Đặt điện áp xoay chiều có giá trị cực đại là 100 V vào hai đầu cuộn cảm thuần thì cường độ dòng điện trong cuộn cảm có biểu thức  $i = 2\cos 100\pi t$  (A). Tại thời điểm điện áp có giá trị 50 V và đang tăng thì cường độ dòng điện là

- A.  $-\sqrt{3}$  A.
- B. -1 A.
- C. 1 A.
- D.  $\sqrt{3}$  A.

**Câu 27.** Trong y học, người ta dùng một laze phát ra chùm sáng có bước sóng  $\lambda$  để "đốt" các mô mềm. Biết rằng để đốt được phần mô mềm có thể tích  $6 \text{ mm}^3$  thì phần mô này cần hấp thụ hoàn toàn năng lượng của  $45.10^{18}$  photon của chùm laze trên. Coi năng lượng trung bình để đốt hoàn toàn  $1 \text{ mm}^3$  mô là 2,53 J. Lấy  $h = 6,625.10^{-34}$  J.s;  $c = 3.10^8$  m/s. Giá trị của  $\lambda$  là

- A. 485 nm.
- B. 683 nm.
- C. 589 nm.
- D. 489 nm.

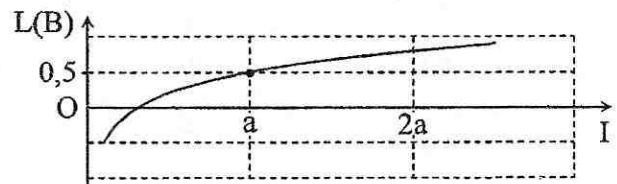
**Câu 28.** Một máy phát điện xoay chiều ba pha đang hoạt động bình thường. Trong ba cuộn dây của phần ứng có ba suất điện động có giá trị  $e_1, e_2$  và  $e_3$ . Ở thời điểm mà  $e_1 = 30$  V thì tích  $e_2.e_3 = -300$  (V<sup>2</sup>). Giá trị cực đại của  $e_1$  là

- A. 40 V.
- B. 45 V.
- C. 35 V.
- D. 50 V.

**Câu 29.** Cho rằng khi một hạt nhân urani  $^{235}_{92}\text{U}$  phân hạch thì toả ra năng lượng trung bình là 200 MeV. Lấy  $N_A = 6,023.10^{23} \text{ mol}^{-1}$ , khối lượng mol của urani  $^{235}_{92}\text{U}$  là 235 g/mol. Năng lượng toả ra khi phân hạch hết 1 kg urani  $^{235}_{92}\text{U}$  là

- A.  $51,2.10^{26}$  MeV.
- B.  $2,56.10^{15}$  MeV.
- C.  $2,56.10^{16}$  MeV.
- D.  $5,12.10^{26}$  MeV.

**Câu 30.** Hình bên là đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của mức cường độ âm L theo cường độ âm I. Cường độ âm chuẩn gần nhất với giá trị nào sau đây?



- A. 0,37a.
- B. 0,31a.
- C. 0,33a.
- D. 0,35a.

**Câu 31.** Mạch dao động ở lõi vào của một máy thu thanh gồm cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $3 \mu\text{H}$  và tụ điện có điện dung biến thiên trong khoảng từ 10 pF đến 500 pF. Biết rằng, muốn thu được sóng điện từ thì tần số riêng của mạch dao động phải bằng tần số của sóng điện từ cần thu (để có cộng hưởng). Trong không khí, tốc độ truyền sóng điện từ là  $3.10^8$  m/s, máy thu này có thể thu được sóng điện từ có bước sóng trong khoảng

- A. từ 100 m đến 730 m.
- B. từ 10 m đến 730 m.
- C. từ 10 m đến 73 m.
- D. từ 1 m đến 73 m.



**Câu 32.** Trong thí nghiệm Y-âng về giao thoa ánh sáng, hai khe được chiếu bằng ánh sáng gồm hai thành phần đơn sắc có bước sóng  $\lambda = 0,6 \mu\text{m}$  và  $\lambda' = 0,4 \mu\text{m}$ . Trên màn quan sát, trong khoảng giữa hai vân sáng bậc 7 của bức xạ có bước sóng  $\lambda$ , số vị trí có vân sáng trùng nhau của hai bức xạ là

- A. 7. B. 6. C. 8. D. 5.

**Câu 33.** Trong thí nghiệm Y-âng về giao thoa với ánh sáng đơn sắc có bước sóng  $0,6 \mu\text{m}$ , khoảng cách giữa hai khe là  $0,5 \text{ mm}$ , khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe đến màn quan sát là  $1,5 \text{ m}$ . Trên màn, gọi M và N là hai điểm ở hai phía so với vân sáng trung tâm và cách vân sáng trung tâm lần lượt là  $6,84 \text{ mm}$  và  $4,64 \text{ mm}$ . Số vân sáng trong khoảng MN là

- A. 2. B. 6. C. 8. D. 3.

**Câu 34.** Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ và lò xo có độ cứng  $20 \text{ N/m}$  dao động điều hòa với chu kì  $2 \text{ s}$ . Khi pha của dao động là  $\frac{\pi}{2}$  thì vận tốc của vật là  $-20\sqrt{3} \text{ cm/s}$ . Lấy  $\pi^2 = 10$ . Khi vật đi qua vị trí có li

độ  $3\pi \text{ (cm)}$  thì động năng của con lắc là

- A.  $0,72 \text{ J}$ . B.  $0,18 \text{ J}$ . C.  $0,03 \text{ J}$ . D.  $0,36 \text{ J}$ .

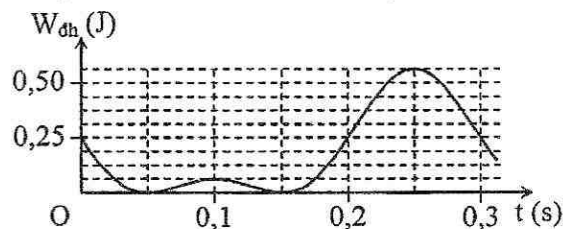
**Câu 35.** Một chất phóng xạ  $\alpha$  có chu kì bán rã T. Khảo sát một mẫu chất phóng xạ này ta thấy: ở lần đo thứ nhất, trong 1 phút mẫu chất phóng xạ này phát ra  $8n$  hạt  $\alpha$ . Sau 414 ngày kể từ lần đo thứ nhất, trong 1 phút mẫu chất phóng xạ chỉ phát ra  $n$  hạt  $\alpha$ . Giá trị của T là

- A. 138 ngày. B. 3,8 ngày. C. 2,6 năm. D. 12,3 năm.

**Câu 36.** Ở một nơi trên Trái Đất, hai con lắc đơn có cùng chiều dài đang dao động điều hòa với cùng biên độ. Gọi  $m_1, F_1$  và  $m_2, F_2$  lần lượt là khối lượng, độ lớn lực kéo về cực đại của con lắc thứ nhất và của con lắc thứ hai. Biết  $m_1 + m_2 = 1,2 \text{ kg}$  và  $2F_2 = 3F_1$ . Giá trị của  $m_1$  là

- A.  $480 \text{ g}$ . B.  $400 \text{ g}$ . C.  $720 \text{ g}$ . D.  $600 \text{ g}$ .

**Câu 37.** Một con lắc lò xo treo vào một điểm cố định ở nơi có gia tốc trọng trường  $g = \pi^2 \text{ (m/s}^2\text{)}$ . Cho con lắc dao động điều hòa theo phương thẳng đứng. Hình bên là đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của thế năng đàn hồi  $W_{dh}$  của lò xo vào thời gian  $t$ . Khối lượng của con lắc gần nhất với giá trị nào sau đây?



- A.  $0,35 \text{ kg}$ . B.  $0,55 \text{ kg}$ . C.  $0,45 \text{ kg}$ . D.  $0,65 \text{ kg}$ .

**Câu 38.** Một sợi dây căng ngang với hai đầu cố định, đang có sóng dừng. Biết khoảng cách xa nhất giữa hai phần tử dây dao động với cùng biên độ  $5 \text{ mm}$  là  $80 \text{ cm}$ , còn khoảng cách xa nhất giữa hai phần tử dây dao động cùng pha với cùng biên độ  $5 \text{ mm}$  là  $65 \text{ cm}$ . Tỉ số giữa tốc độ cực đại của một phần tử dây tại bụng sóng và tốc độ truyền sóng trên dây là

- A. 0,12. B. 0,14. C. 0,41. D. 0,21.

**Câu 39.** Đặt điện áp  $u = 80\sqrt{2}\cos(100\pi t - \frac{\pi}{4}) \text{ (V)}$  vào hai đầu đoạn mạch mắc nối tiếp gồm điện trở  $20\sqrt{3} \Omega$ , cuộn cảm thuần và tụ điện có điện dung C thay đổi được. Điều chỉnh điện dung đến giá trị  $C = C_0$  để điện áp hiệu dụng giữa hai đầu tụ điện đạt giá trị cực đại và bằng  $160 \text{ V}$ . Giữ nguyên giá trị  $C = C_0$ , biểu thức cường độ dòng điện trong đoạn mạch là

- A.  $i = 2\sqrt{2}\cos(100\pi t - \frac{\pi}{12}) \text{ (A)}$ . B.  $i = 2\sqrt{2}\cos(100\pi t + \frac{\pi}{6}) \text{ (A)}$ .  
C.  $i = 2\cos(100\pi t - \frac{\pi}{12}) \text{ (A)}$ . D.  $i = 2\cos(100\pi t + \frac{\pi}{6}) \text{ (A)}$ .

**Câu 40.** Điện năng được truyền từ trạm phát điện đến nơi tiêu thụ bằng đường dây tải điện một pha. Ban đầu hiệu suất truyền tải là  $80\%$ . Cho công suất truyền đi không đổi và hệ số công suất ở nơi tiêu thụ (cuối đường dây tải điện) luôn bằng  $0,8$ . Để giảm hao phí trên đường dây 4 lần thì cần phải tăng điện áp hiệu dụng ở trạm phát điện lên  $n$  lần. Giá trị của  $n$  là

- A. 2,3. B. 2,1. C. 2,0. D. 2,2.

----- HẾT -----